

BÁO CÁO 5 NĂM

**Thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc
thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số**

I. Đặc điểm tình hình và công tác ban hành văn bản

1. Đặc điểm tình hình:

Huyện Đak Pơ được thành lập theo Nghị định số 155/2003/NĐ-CP ngày 9-12-2003 của Chính phủ, trên cơ sở chia tách từ diện tích và dân số phía tây huyện An Khê.

Diện tích: 503,73 Km².

Dân số: 40.990 người.

Vị trí địa lý:

- Bắc giáp: thị xã An Khê, huyện Kbang.
- Nam giáp: huyện Kông Chro.
- Đông giáp: thị xã An Khê, tỉnh Bình Định.
- Tây giáp: huyện Mang Yang.

Huyện Đak Pơ có 8 đơn vị hành chính trực thuộc bao gồm: thị trấn Đak Pơ (thành lập ngày 23-12-2013 trên cơ sở từ xã Đak Pơ) và 07 xã Phú An, Tân An, Cur An, Ya Hội, Yang Bắc, An Thành, Hà Tam.

Trong đó: Có 01 xã vùng III (xã Ya Hội); 04 xã vùng II (xã Phú An, Yang Bắc, An Thành và thị trấn Đak Pơ); riêng xã Phú An là xã vùng II và đạt chuẩn nông thôn mới; có 03 xã vùng I (xã Hà Tam, Tân An và Cur An)

Với đặc điểm tình hình của huyện, nên Nghị định số 39/2015/NĐ-CP được triển khai trên địa bàn 4 xã và 01 thị trấn. Tổng số 19 làng đang triển khai thực hiện NĐ 39/2015/NĐ-CP, đạt tỷ lệ 95% số làng trên địa bàn huyện đã triển khai thực hiện NĐ 39/2015/NĐ-CP.

2. Công tác ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP:

Từ năm 2015 đến thời điểm báo cáo, số văn bản được ban hành để triển khai Nghị định số 39/2015/NĐ-CP là: 08 văn bản, trong đó số văn bản:

1. Ủy ban Nhân dân huyện: 04 văn bản
2. Văn bản của ngành Y tế/DS-KHHGĐ: 04 văn bản

II. Tình hình và kết quả thực hiện Nghị định 39/2015/NĐ-CP

1. Công tác rà soát, thống kê, lập hồ sơ và xác minh đối tượng:

Công tác rà soát đối tượng được thực hiện theo đúng quy định trong Điều 1 của Nghị định 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính Phủ về quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số; Thông tư số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLDTBXH ngày 15/4/2016 của Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ Lao động Thương binh và Xã Hội; Thông tư số 45/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế có hiệu lực từ ngày 01/3/2019; Văn bản hợp nhất số 11/VBHN – BHYT ngày 26/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế; địa bàn được triển khai theo Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020; Quyết định 1010/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn.

Chỉ đạo Trung tâm Y tế phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở cho đội ngũ Viên chức Dân số cấp xã phối hợp với cán bộ chính sách xã, cộng tác viên Dân số tại thôn làng tiến hành điều tra, rà soát, thống kê và lập danh sách các đối tượng theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

2. Công tác phối hợp với ban ngành đoàn thể, phổ biến, tuyên truyền, tập huấn:

- **Công tác phối hợp với các ban ngành đoàn thể:** UBND huyện giao Trung tâm Y tế chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Dân tộc, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện theo Nghị định 39/2015/NĐ-CP; đồng thời chỉ đạo cho đội ngũ Viên chức Dân số cấp xã phối hợp với cán bộ Lao động - Thương binh & Xã hội, kế toán tài chính và các ban ngành có liên quan cấp xã trong việc điều tra, rà soát, thống kê và lập danh sách các đối tượng và lập dự toán, quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

- **Việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định tới người dân:** Trung tâm Y tế huyện thường xuyên lồng ghép nội dung tuyên truyền về việc thực hiện Nghị định 39/2015/NĐ-CP vào các buổi tuyên truyền của cơ quan, các

buổi phối hợp tuyên truyền với Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện đến từng địa bàn dân cư.

- **Việc hướng dẫn, tập huấn cho việc thực hiện các nội dung liên quan đến Nghị định 39/2015/NĐ-CP:** Trung tâm Y tế huyện đã tổ chức hướng dẫn, thiết kế biểu mẫu rà soát cho đội ngũ viên chức dân số của các xã phối hợp với cán bộ chính sách xã tiến hành triển khai thực hiện các thủ tục hành chính cần thiết đối với các đối tượng theo đúng trình tự quy định.

3. Công tác lập dự toán và chi trả cho đối tượng và đảm bảo nguồn lực tài chính:

Công tác lập toán: Hàng năm căn cứ trên tình hình thực tế; Trung tâm Y tế lập dự toán kinh phí thực hiện năm tiếp theo gửi về Sở Y tế để có kinh phí thực hiện năm sau.

Công tác chi trả cho các đối tượng: Sau khi rà soát, viên chức Dân số tổng hợp đối tượng làm hồ sơ, lập danh sách trình Ủy ban nhân dân các xã ký và ra quyết định chi trả kinh phí cho các đối tượng, sau đó viên chức Dân số gửi về Trung tâm Y tế huyện (qua phòng dân số) để thẩm định lại hồ sơ lần nữa nếu đầy đủ sẽ chuyển về Phòng Tài chính - Kế toán của Trung tâm y tế để chuyển tiền về cho UBND xã; kế toán UBND xã làm thủ tục rút tiền và cấp phát kinh phí cho đối tượng được hưởng công khai, minh bạch, kịp thời, không có trường hợp nào có kiến nghị, thắc mắc trong việc triển khai nghị định trong thời gian qua.

4. Công tác kiểm tra giám sát:

Hàng năm kết hợp với các đợt kiểm tra, giám sát công tác Dân số-KHHGĐ Trung tâm y tế huyện lồng ghép, kết hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị định 39/2015/NĐ-CP qua đó đã phát hiện 01 trường hợp vi phạm tại làng Gliэк thị trấn Đak Pơ (trường hợp này được nhận tiền hỗ trợ năm 2016 đến tháng 8/2020 thì sinh con thứ 3)

Ngoài ra, ngày 21/2/2017 Hội Liên hiệp phụ nữ huyện ban hành Kế hoạch số 09/KH-BCH về tổ chức giám sát Nghị định 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính Phủ. Trên cơ sở đó Hội Liên hiệp phụ nữ từ huyện đến xã đã lập đoàn giám sát (5/5 xã triển khai Nghị định 39) việc chi trả Nghị định 39/2015/NĐ-CP, kết quả không có trường hợp nào chi sai.

5. Kết quả cụ thể trong 5 năm (từ 2015-9/2020):

- Tổng số đối tượng đã chi trả: 85 người, cụ thể qua các năm như sau:
- + 2016: 18 người
- + 2017: 36 người
- + 2018: 09 người



+ 2019: 17 người

+ 2020: 05 người

- Tổng số kinh phí đã chi cho đối tượng: 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng)

Trong đó nguồn Trung ương là: 0đ

Nguồn địa phương là: 170.000.000đ

- Số đối tượng phải thu hồi do vi phạm chính sách là: 1 người (0 đồng); trong đó đã thu hồi là 0 người (0 đồng); số đối tượng còn phải thu hồi là: 1 người (2.000.000 đồng).

Lý do phải thu hồi: Vi phạm chính sách dân số.

III. Thuận lợi, khó khăn và đề xuất, kiến nghị của địa phương

1. Thuận lợi và khó khăn:

1.1. Thuận lợi:

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Thường trực và Ban Thường vụ Huyện ủy và các cấp ủy Đảng chính quyền địa phương, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Trung tâm Y tế huyện và Ủy ban nhân dân các xã trong việc triển khai thực hiện Nghị định 39/2015/NĐ-CP.

Có sự phối hợp chặt chẽ của các ban ngành đoàn thể, của hệ thống chính trị từ huyện đến xã nên việc triển khai đã đạt được những kết quả nhất định.

Sự nhiệt tình, năng nổ của Trung tâm Y tế và đội ngũ Viên chức dân số, Cộng tác viên ở các làng trong công tác tuyên truyền về việc thực hiện Nghị định 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

1.2. Khó khăn:

Nhận thức của các đối tượng được hưởng hỗ trợ Nghị định 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ còn hạn chế; bên cạnh đó là phong tục, tập quán của người dân tộc thiểu số là họ thích có nhiều con để nuôi bố mẹ lúc về già.

Khi đối tượng vi phạm chính sách dân số thì việc thu hồi tiền hỗ trợ là rất khó (vì đối tượng được hỗ trợ là hộ nghèo mà lại sống ở vùng khó).

Nhận thức của một bộ phận người dân còn hạn chế nên công tác tuyên truyền vận động gặp không ít khó khăn. Nhiều đối tượng được hưởng hỗ trợ theo Nghị định 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ, nhưng khi làm cam kết để nhận tiền thì lại không chịu nhận, bởi vì họ sợ nếu vi phạm sẽ không có tiền để trả lại và xấu hổ với người dân trong làng.

3. Kiến nghị, đề xuất:

3.1. Đối với Trung ương:

Có chế độ phụ cấp cho Cộng tác viên dân số hợp lý 50% lương cơ bản (như Y tế thôn bản được hưởng).

Cung cấp nhiều hơn phương tiện tránh thai miễn phí tới người dân, đặc biệt Que cấy tránh thai và bao cao su, trong năm 2019 và năm 2020 đơn vị chưa nhận được que cấy, từ đầu năm 2020 đến nay không có bao cao su để cấp cho người dân.

Chế độ chính sách đối với đối tượng thực hiện triệt sản cần được quan tâm hơn.

3.2. Đối với tỉnh:

Cấp thêm kinh phí hỗ trợ cho cán bộ làm công tác quản lý, thu thập, lập hồ sơ đối tượng.

Trên đây là báo cáo về tình hình triển khai thực hiện Nghị định 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số trong 5 năm qua trên địa bàn huyện./.

Nơi nhận:

- Chi cục Dân số- KHHGĐ tỉnh;
- L/đ UB,VP;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Trung tâm Y tế;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trường

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAK PƠ



Phụ lục 1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH 39/2015/NĐ-CP TẠI TỈNH**

(Kèm theo Báo cáo số 232/BC-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2020 của UBND huyện)

TT	Năm	Huyện/xã thực hiện	Số văn bản đã ban hành	Giám sát	Truyền thông/ Tập huấn
1	2015	Số xã: 0	Cấp huyện: 01	Số đoàn GS: 0 - Cấp huyện: 0	Số cuộc TT: 03 Số cuộc tập huấn: 0
2	2016	Số xã: 02	Cấp huyện: 01	Số đoàn GS: 02 - Cấp huyện: 02	Số cuộc TT: 5 Số cuộc tập huấn: 0
3	2017	Số xã: 05	Cấp huyện: 01	Số đoàn GS: 8 - Cấp huyện: 3 - Cấp xã: 5	Số cuộc TT: 10 Số cuộc tập huấn: 0
4	2018	Số xã: 03	Cấp huyện: 01	Số đoàn GS: 02 - Cấp huyện: 02	Số cuộc TT: 5 Số cuộc tập huấn: 0
5	2019	Số xã: 02	Cấp huyện: 02	Số đoàn GS: 02 - Cấp huyện: 02	Số cuộc TT: 10 Số cuộc tập huấn: 01
6	2020	Số xã: 03	Cấp huyện: 02	Số đoàn GS: 02 - Cấp huyện: 02	Số cuộc TT: 7 Số cuộc tập huấn: 0



TỔNG HỢP SỐ LIỆU NĂM 2020

**Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo
là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo
Nghị định 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ**

(Tháng 1/1/2020 - 30/9/2020)

(Kèm theo Báo cáo số 232/BC-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2020 của UBND huyện)

Số TT	Huyện	Số đối tượng được hưởng chính sách năm 2020		Kinh phí hỗ trợ (ngàn đồng)	Kinh phí thu hồi (ngàn đồng)
		Đúng chính sách	Vi phạm chính sách		
A	B	1	2	3=1x2.000	4=2x2.000
1		Số đối tượng đã nhận tiền từ 1/1/2020- 30/9/2020 không tính số đối tượng trong quyết định chưa nhận tiền	Số đối tượng vi phạm đã nộp tiền vào ngân sách từ tháng 1/1/2020- 30/9/2020	Kinh phí đã chi	Kinh phí đã thu hồi được
2		05	0	10.000.000	0
	Tổng số	05	0	10.000.000	0

1. Tổng số đối tượng được hưởng chính sách: 05 người (là số đối tượng đã được nhận tiền từ ngày 1/1/2020-30/9/2020)
2. Tổng kinh phí hỗ trợ: 10.000.000 đồng
3. Tổng kinh phí thu hồi: 0 ngàn đồng (là số tiền đã thu hồi nộp vào ngân sách nhà nước trong năm 2020)
4. Tổng số đối tượng vi phạm từ 1/1/2020 - 30/9/2020: 01 người (chưa thu hồi).



TỔNG HỢP SỐ LIỆU 5 NĂM

Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ (Từ năm 2015 đến ngày 30/9/2020)

(Kèm theo Báo cáo số 232/BC-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2020 của UBND huyện)

Đơn vị tính: 1000 đồng

Số TT	Năm	Số đối tượng được hưởng chính sách Từ năm 2015-2020		Kinh phí hỗ trợ (ngàn đồng)	Kinh phí thu hồi (ngàn đồng)
		Đúng chính sách	Vi phạm chính sách		
A	B	1	2	3=1x2.000	4=2x2.000
		Số đối tượng đã được nhận tiền từng năm theo số đã quyết toán năm	Số đối tượng vi phạm đã nộp tiền vào ngân sách theo số quyết toán năm	Số kinh phí đã quyết toán từng năm	Số kinh phí đã quyết toán từng năm
1	2015	0	0	0	0
2	2016	18	0	36.000	0
3	2017	36	0	72.000	0
4	2018	09	0	18.000	0
5	2019	17	0	34.000	0
6	2020	5	0	10.000	0
	Tổng số	85	0	170.000	0

1. Tổng số đối tượng được hưởng chính sách: 85 người..

2. Tổng kinh phí hỗ trợ: 170.000.000 đồng.

Trong đó kinh phí trung ương là: 0 đồng; kinh phí của địa phương là: 170.000.000 đồng

3. Tổng kinh phí thu hồi: 0 ngàn đồng.

4. Tổng số đối tượng vi phạm từ 2015-30/9/2020 : 01 người (chưa thu hồi)

